TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/DS-ST
Ngày: 22 - 4 - 2026
v/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bích Ly.

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164a/2026/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) phát triển thành phố H (viết tắt là: H2)**

Địa chỉ: B Bis N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

** Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng*: Bà Lâm Thúy A, sinh năm 1991. Chức vụ: Chuyên viên quan hệ KHCN (*Có yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H. Số A, T, phường P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1985. Số CCCD: 094185011796, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (*Có yêu cầu xét xử vắng mặt*)

2/ Ông **Trần Văn H1**, sinh năm: 1986. Số CCCD: 094086005887, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thúy A trình bày:

Ngân hàng TMCP P đã cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 vay tổng số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0185/22CNST/HĐTD ngày 07/11/2022; giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 0185/22CNST/HĐTD/KUNN02 ngày 03/01/2024, chi tiết như sau: Hợp đồng tín dụng số 0185/22CNST/HĐTD, Khế ước nhận nợ số: 0185/22CNST/HD TD/KUNN02, Ngày nhận nợ 03/01/2024, Số tiền phát vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, Lãi suất: 12%, Ngày đến hạn: 03/01/2025. Lãi suất cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ số 0185/22CNST/HĐTD/KUNN02 ngày 03/01/2024. Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi – Bổ sung vốn nuôi bò.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1397; tờ bản đồ số 7, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 429168 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 21/09/2022 thuộc sở hữu của bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1. (Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0141/22CNST/HĐBĐ ngày 07/11/2022).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết, cụ thể bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 sẽ thanh toán nợ gốc và lãi khi đến các kỳ hạn trả nợ nhưng kể từ kỳ hạn thanh toán vào tháng 01/2025 đến nay, bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 không thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn và toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, mời làm việc yêu cầu trả nợ bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 22/4/2026, tổng số tiền mà bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 còn nợ H2 theo Hợp đồng tín dụng số 0185/22CNST/HĐTD ngày 07/11/2022; giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 0185/22CNST/HDTD/KUNN02 ngày 03/01/2024 là 376.124.663 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 296.663.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.325.322 đồng, N lãi quá hạn: 76.136.341 đồng

** Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:*

- Yêu cầu bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho H2 với tổng số tiền tính đến ngày 22/4/2026 là 376.124.663 đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 296.663.000 đồng (*Hai trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn*); Nợ lãi trong hạn: 3.325.322 đồng (*Ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng*), N lãi quá hạn:

76.136.341 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi mốt đồng*).

- Yêu cầu bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với H2 kể từ ngày 23/4/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì H2 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp cho H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0141/22CNST/HĐBĐ ngày 07/11/2022 để thu hồi nợ vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay đề nghị xử lý là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1397; tờ bản đồ số 7, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 429168 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 21/09/2022 thuộc sở hữu của bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1.

Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 tại H2 thì H2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 để tiếp tục thu hồi nợ vay theo quy định pháp luật hoặc bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

**** Tại biên bản hoà giải ngày 06/3/2026 bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*** Bà và chồng bà là ông Trần Văn H1 thống nhất với lời trình bày của phía Ngân hàng về số tiền nợ vốn vay là lãi suất. Bà xin trả dứt nợ đến ngày 06/06/2026 cho phía ngân hàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0185/22CNST/HĐTD ngày 07/11/2022 đã được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 0185/22CNST/HDTD/KUNN02 ngày 03/01/2024 thể hiện Ngân hàng H2, Chi nhánh S đã giải ngân cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 vay số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T, ông H1 vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H2, buộc bà T, ông H1 trả số tiền vốn lãi tính đến ngày 22/4/2026 là 376.124.663 đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 296.663.000 đồng (*Hai trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn*); Nợ lãi trong hạn: 3.325.322

đồng (*Ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng*), N lãi quá hạn: 76.136.341 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi mốt đồng*). Trong trường hợp bà T, ông H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0141/22CNST/HĐBĐ ngày 07/11/2022 để thu hồi nợ vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay đề nghị xử lý là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1397; tờ bản đồ số 7, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 429168 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 21/09/2022 cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, bà Lâm Thúy A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 vắng mặt, bà Thúy A và bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Trần Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thúy A, bị đơn bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng tín dụng số 0185/22CNST/HĐTD ngày 07/11/2022 đã được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 0185/22CNST/HDTD/KUNN02 ngày 03/01/2024 thể hiện Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố H **(**H2), Chi nhánh S đã giải ngân cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 vay số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Các bên thỏa thuận cụ thể như sau: Ngày nhận nợ 03/01/2024, thời hạn vay 12 tháng, Lãi suất: 12%, Ngày đến hạn: 03/01/2025. Lãi suất cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ số 0185/22CNST/HĐTD/KUNN02 ngày 03/01/2024. Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi – Bổ sung vốn nuôi bò. Trong quá trình giao dịch đến kỳ hạn trả nợ vốn và lãi tháng 01/2025 vợ chồng bà T, ông H1 đã vi phạm không thanh toán nợ đến hạn cho Ngân hàng nên phát sinh nợ quá hạn kể từ 01/2025 cho đến nay.

[3] Xét thấy, bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 đã nhận toàn bộ số tiền vốn vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) từ Ngân hàng H2 nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như các bên đã thỏa thuận tại Điều 2 và Điều 6 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết ngày 07/11/2022. Do bà T, ông H1 đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà T, ông H1 thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các

tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng N1 ban hành; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 7; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền bà T, ông H1 còn nợ Ngân hàng H2 tính đến ngày 22/4/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 376.124.663 đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 296.663.000 đồng (*Hai trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn*); Nợ lãi trong hạn: 3.325.322 đồng (*Ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng*), N lãi quá hạn: 76.136.341 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi mốt đồng*). Tại phiên hoà giải ngày 06/3/2026 bà T xin được trả nợ một lần đến ngày 06/06/2026, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng cũng thống nhất nhưng việc thoả thuận này không có sự đồng ý của ông Trần Văn H1 nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét về tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0141/22CNST/HĐBĐ ngày 07/11/2022 thể hiện Ngân hàng H2 Chi nhánh S cùng ông Trần Văn H1, bà Trần Thị T đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản và đăng ký thế chấp hợp pháp để đảm bảo cho khoản vay của bà T, ông H1 đối với tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1397; tờ bản đồ số 7, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 429168 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 21/09/2022 cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1. Nay Ngân hàng H2 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà T, ông H1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện nay thửa đất này do bà Trần Thị T đang quản lý, canh tác. Trong trường hợp Ngân hàng H2 có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì vợ chồng bà T, ông H1 có nghĩa vụ giao lại phần đất thế chấp cho Ngân hàng phát mãi theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng H3 không phải chịu án phí. Bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2] Về chi phí thẩm định: Ngân hàng H2 đồng ý chịu chi phí thẩm định tài sản thế chấp với số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Ngân hàng H2 đã đủ chi phí thẩm định để làm thủ tục tố tụng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320 và khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 167 Luật đất đai 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 100; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 7; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (H2) tổng số tiền vốn lãi tính đến ngày 22/4/2026 là 376.124.663 đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 296.663.000 đồng (*Hai trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn*); Nợ lãi trong hạn: 3.325.322 đồng (*Ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng*), N lãi quá hạn: 76.136.341 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi mốt đồng*).

Kể từ ngày 23/4/2025 cho đến khi bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P, thì hàng tháng bà T, ông H1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 0185/22CNST/HĐTD ngày 07/11/2022.

2/ Trường hợp bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo theo Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0141/22CNST/HĐBĐ ngày 07/11/2022 đối với tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1397; tờ bản đồ số 7, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp K, xã H, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 429168 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 21/09/2022 cho bà Trần Thị T.

Trong trường hợp Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng H2 thì bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ giao lại phần đất thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0141/22CNST/HĐBĐ ngày 07/11/2022 để tiến hành phát mãi theo quy định của pháp luật.

3/ Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn H1 phải chịu số tiền là 18.806.233 đồng (*Mười tám triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng*).

Ngân hàng Thương mại cổ phần P (H2) không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.400.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009020, ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3.2/ Về chi phí thẩm định tại chỗ: Ngân hàng H2 đồng ý chịu số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*). Ngân hàng H2 đã tạm ứng xong.

4/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND Thành phố Cần Thơ (Phòng GĐKT, TTr và THA);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Anh Tuấn